

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:101/2024/HS-ST
Ngày: 15- 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh S

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Minh S

Ông Võ Chí T

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ L, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:

Ông Tưởng Phước L - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Tư Quốc K, sinh ngày 27/7/1991, tại thành phố H. Nơi cư trú: Số 164, khóm 8, phường Z, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Tư Do C, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; vợ tên: Trần Thúy D, sinh năm 1995 (đã ly hôn); Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: không; Tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/9/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 1988 (Vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Tư Quốc K, sinh ngày 27/7/1991, nơi thường trú Số 164, khóm 8, phường Z, thành phố T, tỉnh T nảy sinh ý định

trộm cắp tài sản của người sống chung với nhau như vợ chồng là chị Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 17/9/1988, nơi thường trú ấp B, xã H, huyện C, tỉnh T. Nơi ở hiện tại ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh T. Khoảng 15 giờ ngày 05/6/2024 đến 06/6/2024, bị cáo K lợi dụng việc chị T1 đi làm không có ở nhà, biết chị T1 cất giấu vàng trong tủ của phòng ngủ, sẵn có chìa khóa nên bị cáo đã lén lút vào phòng ngủ của hai người dùng chìa khóa mở tủ lấy trộm tài sản gồm 03 (ba) bộ vòng Ximen loại vàng 18K, tổng cộng 21 chiếc (mỗi bộ có 07 chiếc vòng), trọng lượng 13 chỉ vàng. Sau khi lấy được vàng, bị cáo K đem đến tiệm cầm đồ Kim Ngọc 3, địa chỉ khóm 1, phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do bà Dương Thị Tuyết H, sinh ngày 06/10/1980 cư trú tại số 39, khóm 2, phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh làm chủ cầm tổng cộng 03 lần được số tiền 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng). Sau khi tiêu xài cá nhân hết số tiền trên, để tiếp tục có tiền tiêu xài nên khoảng 18 giờ ngày 06/6/2024 bị cáo K lén lút lấy hóa đơn mua vàng của chị T1 đem đến tiệm cầm đồ Kim Ngọc 3 để bán hết số vàng đã cầm để lấy thêm tiền. Khi nhận được hóa đơn và thỏa thuận giá, bà H chấp nhận đưa thêm cho bị cáo K số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), bị cáo K đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Sau đó, bà H đem số vàng trên đến tiệm vàng Kim Công Hưng địa chỉ khóm 2, phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bán được 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Quá trình điều tra, bị cáo K đã thừa nhận hành vi lén lút trộm 03 (ba) bộ vòng Ximen loại vàng 18K của chị T1 để tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 46/BKLDGTS ngày 10/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh kết luận: 03 (ba) bộ vòng ximen đeo tay bằng vàng 18K, tổng cộng 21 chiếc (mỗi bộ có 07 chiếc vòng), trọng lượng 13 chỉ vàng mà bị cáo Tư Quốc K trộm cắp được có giá 59.020.000đ (Năm mươi chín triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: Không.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo và đã khắc phục hậu quả cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại bà Nguyễn Thị Minh T1 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp nên không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số: 93/CT-VKS-HS ngày 02/10/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố Tư Quốc Khương về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Tư Quốc K phạm tội “Trộm cắp tài sản” như bản Cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tư Quốc K từ 02 năm 06 tháng đến 3 năm tù và buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Tư Quốc K đã khai nhận: Bị cáo Tư Quốc K và chị Nguyễn Thị Minh T1 sống chung như vợ chồng nên bị cáo biết được nơi cất giấu tài sản của chị T1. Lợi dụng lúc chị T1 không có nhà vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 05/6/2024 đến ngày 06/6/2024 tại nhà của chị Nguyễn Thị Minh T1 thuộc ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh T bị cáo Tư Quốc K đã lén lút lấy trộm tài sản là 03 (ba) bộ vòng Ximen loại vàng 18K, tổng cộng 21 chiếc (mỗi bộ có 07 chiếc vòng), trọng lượng 13 chỉ vàng của chị T1 trị giá 59.020.000 đồng (Năm mươi chín triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) đem bán được 58.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tư Quốc K đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Tư Quốc K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo lợi dụng mối quan hệ như vợ chồng mà bị hại đã tin tưởng để chiếm đoạt số

tiền trên. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên; khi phạm tội bị cáo đã thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục bồi thường xong cho bị hại; bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nghĩ nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Minh T1 đã nhận được tiền bồi thường từ bị cáo nên không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Tư Quốc K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tư Quốc K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Minh T1 không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Tư Quốc K nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TPTV;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Nhà tạm giữ CA TP.Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Sỹ

